

Số : 31 CV/ĐLS

V/v giải trình biến động kết quả kinh doanh trong BCTC  
soát xét giữa niên độ 2021/2022

Lam Sơn, ngày 01 tháng 03 năm 2022

**Kính gửi:** ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM

Căn cứ Báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ 2021/2022 đã được công bố trên thị trường chứng khoán

Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính soát xét từ 01/07/2021-31/12/2021 như sau:

**A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI BCTC RIÊNG**

**I. Kết quả trước và sau kiểm toán tại 31/12/2021:**

**ĐVT: Đồng**

TT	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	735.499.298.674	735.499.298.674	
2	Giá vốn hàng bán	661.133.555.598	661.133.555.598	
3	Chi phí tài chính	18.187.625.799	19.746.217.031	8,57
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.187.793.435	12.532.743.841	(11,67)

**Nguyên nhân:**

Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm 11,67% so với trước kiểm toán là do: Chi phí tài chính tăng 8,57% do trích lập thêm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

**II. Kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm trước:**

**ĐVT: Đồng**

TT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	735.499.298.674	468.062.219.397	57,14
2	Giá vốn hàng bán	661.133.555.598	426.454.477.164	55,03
3	Chi phí tài chính	19.746.217.031	8.296.103.185	138,02
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.532.743.841	5.828.133.290	115,04

**Nguyên nhân:**

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay tăng 115,04% so với năm trước là do:



- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ tăng 57,14% và giá vốn hàng bán tăng 55,03% so với cùng kỳ năm trước. Tốc độ tăng giá bán nhanh hơn so với tốc độ tăng giá vốn.

- Chi phí tài chính trong kỳ tăng so với năm trước 138,02% là do tăng trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

## B. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI BCTC HỢP NHẤT

**Kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ:**

**ĐVT: Đồng**

TT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	796.627.092.984	505.303.596.084	57,65
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	796.627.092.984	504.913.406.834	57,77
3	Giá vốn hàng bán	717.372.967.332	455.712.448.275	57,42
4	Doanh thu tài chính	3.445.953.731	2.267.056.207	52,00
5	Chi phí bán hàng	29.699.577.198	17.796.782.934	66,88
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.148.870.244	21.267.424.026	32,36
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	13.652.809.865	3.353.896.954	307,07

### Nguyên nhân:

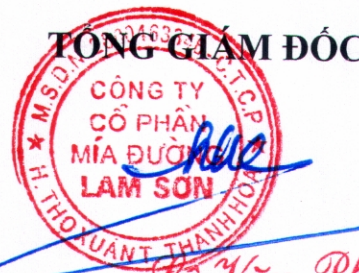
Lợi nhuận sau thuế năm nay tăng so với năm trước là do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 57,65% so với cùng kỳ năm trước
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 57,77% so với cùng kỳ năm trước
- Giá vốn hàng bán tăng 57,42% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu tài chính tăng 52% so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí bán hàng tăng 66,88% so với cùng kỳ năm trước.
- Chi phí quản lý tăng 32,36% so với cùng kỳ năm trước.

### Trân trọng.

#### Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, P.TCKT



*Lê Văn Phương*

